

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 16/2017/KDTM-ST

Ngày: 27/12/2017

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

2. Ông Nguyễn Văn Chào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2017/TLST-KDTM ngày 06 tháng 10 năm 2017 về việc: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2017/QĐXXST-KDTM ngày 06 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TP; địa chỉ: 144A, đường HHL, phường AL, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Tân T - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Ngân G, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp XĐ, xã LT, huyện CD, tỉnh Long An là đại diện theo ủy quyền.

- Bị đơn: Công ty TT; địa chỉ: Ấp VT, thị trấn CD, huyện CP, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành Đ - Chức vụ: Giám đốc.
(Ông G có mặt; ông Đ vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng kèm theo, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 17/12/2014 Công ty TT ký hợp đồng mua bán hàng hóa số 1369 B/2014/HĐMB/TP-TT với Công ty TP để mua bán cáp đồng và cáp ngầm hạ thế, hợp đồng hết hiệu lực vào ngày 30/03/2015.

Ngày 12/4/2016, Công ty TT ký phụ lục hợp đồng với Công ty TP để sửa đổi một số điều của hợp đồng mua bán hàng hóa số 1369B/2014/HĐMB/TP-TT

ngày 17/12/2014 mà hai bên đã ký, căn cứ theo phụ lục hợp đồng thì hợp đồng hết hiệu lực vào ngày 15/05/2016. Theo Phụ lục hợp đồng đã ký thì tổng giá trị mua bán là 727.436.600đ. Căn cứ vào bảng đối chiếu công nợ tính đến ngày 31/12/2016 thì Công ty TT còn nợ Công ty TP với số tiền 196.202.430đ. Đến ngày 01/01/2017 Công ty TT đã thanh toán cho Công ty TP được thêm 58.988.600đ, còn nợ lại 137.213.830đ. Nay Công ty TP khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TT thanh toán một lần số tiền còn nợ là 137.213.830đ, đồng thời tính tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 27/12/2017 là 13.337.184đ (tức là 0,027%/ngày theo quy định lãi suất bình quân 03 Ngân hàng thương mại), tổng cộng là 150.551.014đ.

Đại diện bị đơn ông Nguyễn Thành Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại phiên hòa giải trước đây ông Đ trình bày: Ngày 17/12/2014 Công ty TT ký hợp đồng mua bán hàng hóa số 1369 B/2014/HĐMB/TP-TT với Công ty TP để mua bán cáp đồng và cáp ngầm hạ thế, hợp đồng hết hiệu lực vào ngày 30/03/2015.

Ngày 12/4/2016, Công ty TT ký tiếp tục ký phụ lục hợp đồng với Công ty TP để sửa đổi một số điều của hợp đồng mua bán hàng hóa số 1369 B/2014/HĐMB/TP-TT ngày 17/12/2014 mà hai bên đã ký. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nói trên tới thời điểm hiện tại Công ty TT còn nợ và chậm thanh toán cho Công ty TP số tiền 137.213.830đ. Nay Công ty TP khởi kiện yêu cầu Công ty TT thanh toán số tiền vốn chậm thanh toán là 137.213.830đ và tiền lãi thì ông Đ cũng đồng ý, tuy nhiên do điều kiện kinh doanh của công ty gặp khó khăn nên Công ty TT xin Công ty TP chót lại nợ và lãi là 140.000.000đ và hàng tháng sẽ thanh toán cho Công ty TP số tiền 20.000.000đ đến khi thanh toán hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Căn cứ vào đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì vụ án thuộc quan hệ về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, cụ thể theo đơn khởi kiện Công ty TP yêu cầu Công ty TT trả cho Công ty TP số tiền nợ vốn 137.213.830đ và tiền lãi chậm thanh toán tạm tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 10/7/2017 là 7.039.069đ và lãi phát sinh, mặc khác cả nguyên đơn và bị đơn đều có đăng ký kinh doanh và vì mục đích lợi nhuận, nên thuộc loại kiện kinh doanh thương mại, do vậy Tòa án thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Do đây là tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc loại kiện về tranh chấp kinh doanh thương mại được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, mà cụ thể là Tòa án nhân dân huyện Châu Phú do bị đơn có địa chỉ cư trú tại địa bàn huyện Châu Phú, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý là đúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về trình tự và thủ tục khởi kiện:

Xét đây là vụ kiện không bắt buộc phải thông qua hòa giải tại Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn nên Công ty TP làm đơn khởi kiện trực tiếp ra Tòa án vẫn đúng quy định.

[1.4] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt và đại diện của bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.5] Về thời hiệu khởi kiện: Xét thấy, vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[2] Về nội dung:

Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty TP với Công ty TT thực tế đã xảy ra, thể hiện qua sự thừa nhận của các bên, cụ thể ngày 12/4/2016, Công ty TT ký phụ lục hợp đồng với Công ty TP để sửa đổi một số điều của hợp đồng mua bán hàng hóa số 1369 B/2014/HĐMB/TP-TT ngày 17/12/2014 mà hai bên đã ký và có hiệu lực ngày 15/05/2016. Theo Phụ lục hợp đồng đã ký thì tổng giá trị mua bán hàng hóa là 727.436.600đ, bên mua là bị đơn đã nhận đủ hàng, nhưng đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và hiện còn nợ nguyên đơn là Công ty TP tính đến ngày 01/01/2017 với số tiền 137.213.830đ, do vậy Công ty TP kiện yêu cầu Công ty TT trả số tiền nợ vốn 137.213.830đ là có cơ sở nên chấp nhận.

Về lãi chậm thanh toán: Công ty TP yêu cầu Công ty TT trả phần lãi chậm thanh toán đối với phần nợ vốn 137.213.830đ tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 27/12/2017 với số tiền là 13.337.184đ tương ứng với lãi suất 0,027%/ngày theo lãi suất bình quân 03 Ngân hàng thương mại là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của Công ty TP được chấp nhận nên không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Công ty TP được nhận lại 3.600.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017291 ngày 06/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Công ty TT phải chịu 7.527.000đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ Điều 24, Điều 50, Điều 55 và Điều 306 Luật thương mại; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TP đối với Công ty TT.

Buộc Công ty TT có trách nhiệm trả cho Công ty TP số tiền vốn và lãi chậm trả là 150.551.014đ (một trăm năm chục triệu, năm trăm năm mươi một ngàn, không trăm mười bốn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TP được nhận lại 3.600.000đ (ba triệu, sáu trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017291 ngày 06/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Công ty TT phải chịu 7.527.000đ (bảy triệu, năm trăm hai mươi bảy ngàn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phước Hậu